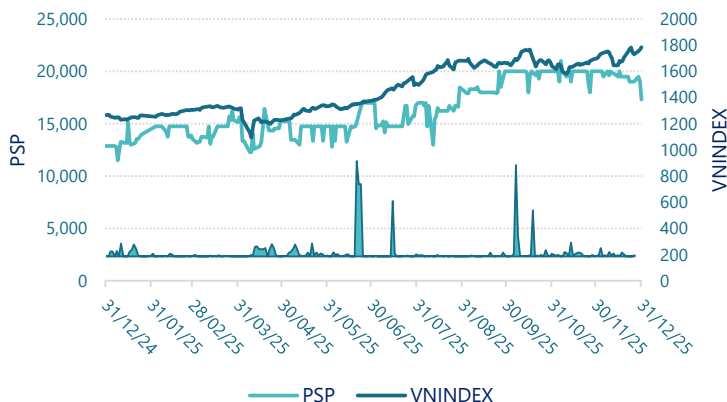




CTCP Cảng dịch vụ Dầu khí Đình Vũ (UPCOM: PSP)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/12/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	17,300
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	21,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	11,499
SL cổ phiếu LH	40,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	12,755
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	692
P/E	60.6
EPS	286

DT thuần

Q4/25

93.8

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 22.2 | 31.0%

YoY: ▲ 35.5 | 60.9%

LN sau thuế

Q4/25

2.58

tỷ VNĐ

QoQ: ▼ 0.31 | -10.9%

YoY: ▲ 0.17 | 6.9%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

5.8%

+/- YoY: ▼ 0.9%

DT thuần

2025

296

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 58.0 | 24.1%

LN sau thuế

2025

11.4

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 3.05 | 36.8%

ROE

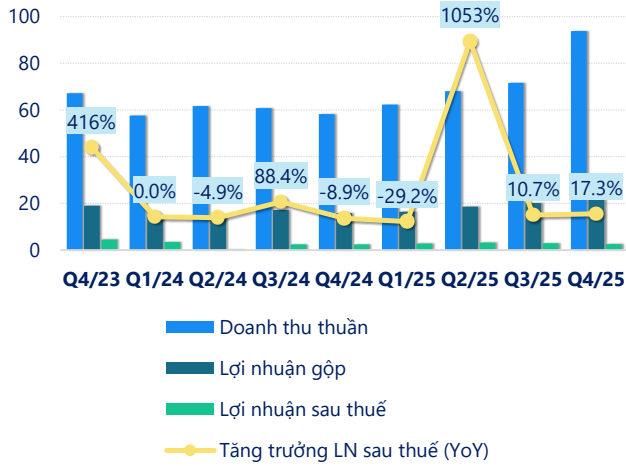
2025

2.5%

+/- YoY: ▲ 0.7%

tỷ VNĐ

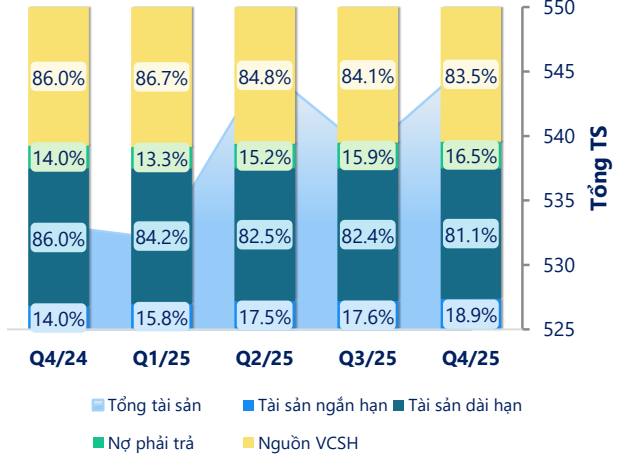
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

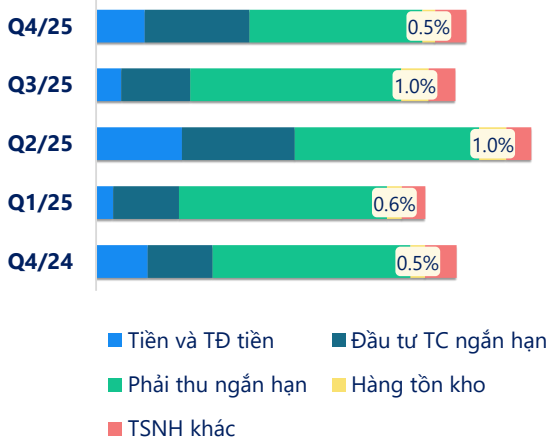
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



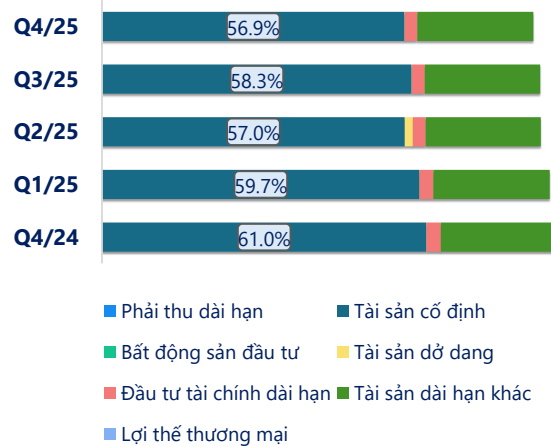
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

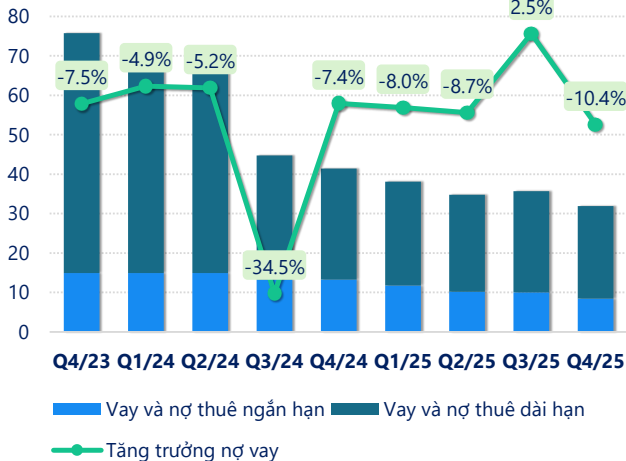
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

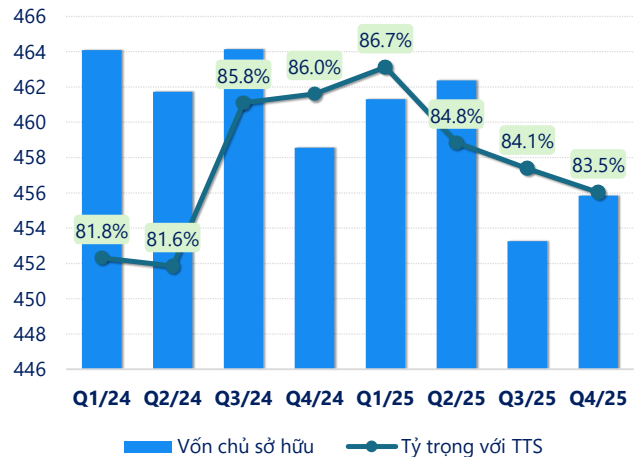
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

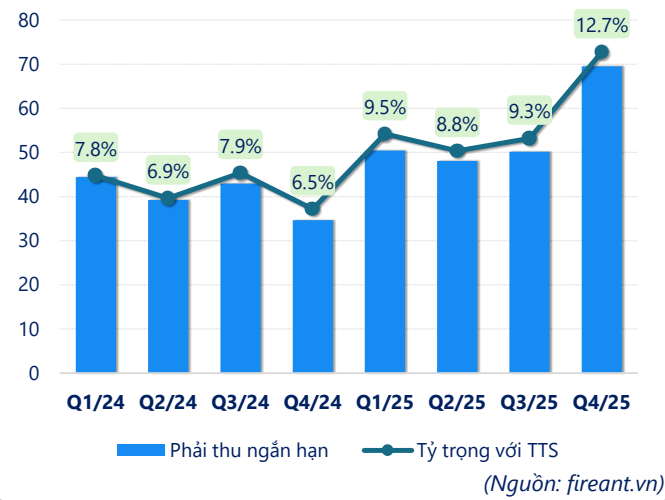
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu

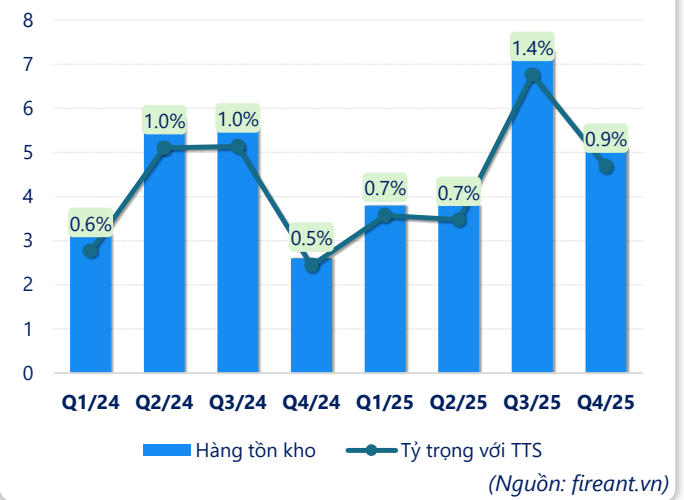


(Nguồn: fireant.vn)

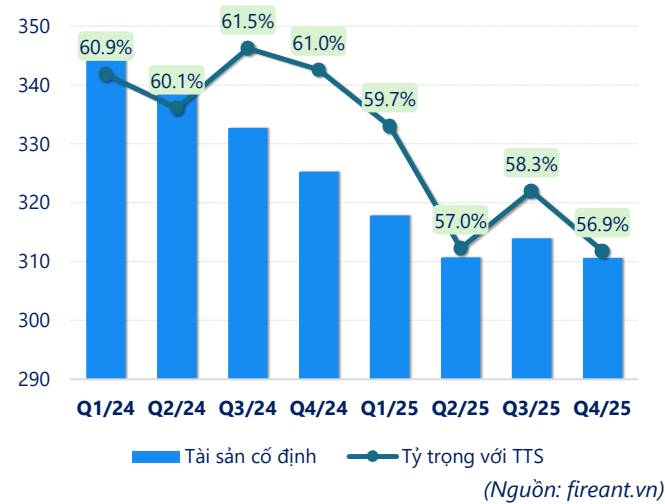
tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


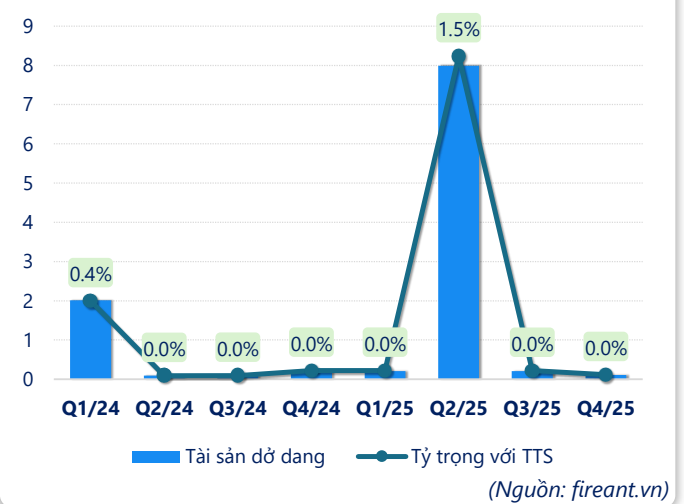
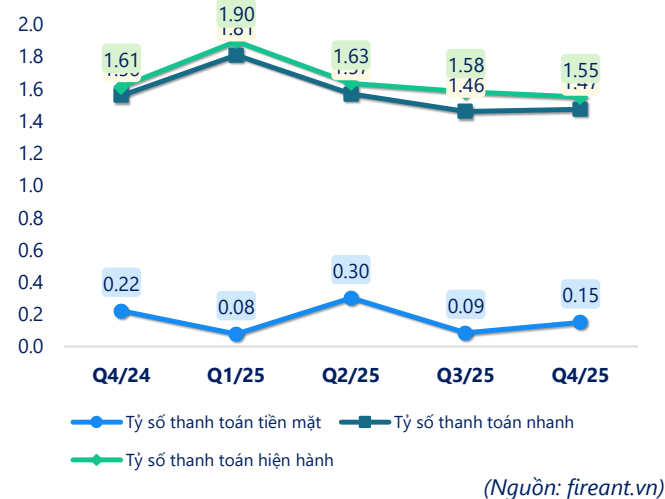
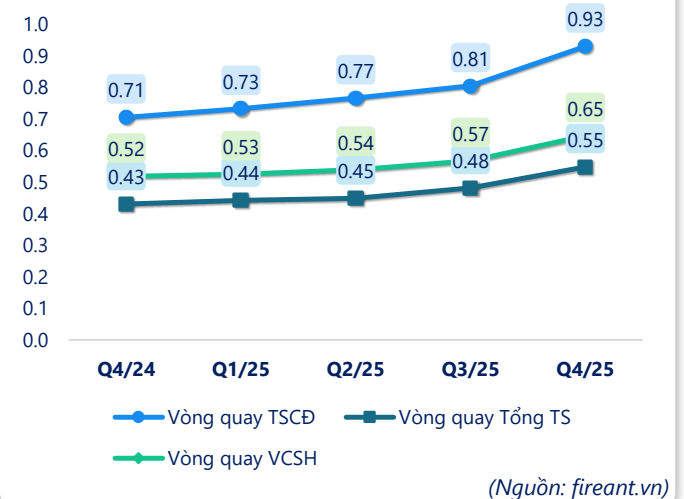
tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


tỷ VNĐ

Tài sản cố định


tỷ VNĐ

Tài sản dở dang

Chỉ số thanh khoản

Vòng quay tài sản


CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	533	532	545	539	546
Tài sản ngắn hạn	74.8	84.1	95.4	94.8	103
Tiền và tương đương tiền	10.3	3.43	17.6	5.12	9.98
Đầu tư tài chính ngắn hạn	21.0	21.0	21.0	28.0	13.0
Phải thu ngắn hạn	34.7	50.4	48.1	50.1	69.5
Hàng tồn kho	2.60	3.80	3.79	7.29	5.11
Tài sản ngắn hạn khác	6.22	5.43	4.89	4.21	5.42
Tài sản dài hạn	458	448	450	444	443
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	325	318	311	314	311
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0.21	0.21	7.99	0.21	0.11
Đầu tư tài chính dài hạn	14.2	13.7	13.3	13.0	13.0
Tài sản dài hạn khác	119	116	118	117	119
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	74.5	70.7	83.0	85.5	90.0
Nợ ngắn hạn	46.4	44.4	58.4	59.9	66.5
Vay và nợ thuê ngắn hạn	13.3	11.8	10.2	10.1	8.44
Phải trả người bán ngắn hạn	18.0	18.5	25.9	14.0	22.2
Nợ dài hạn	28.1	26.3	24.6	25.6	23.5
Vay và nợ thuê dài hạn	28.1	26.3	24.6	25.6	23.5
Nguồn vốn chủ sở hữu	459	461	462	453	456
Vốn chủ sở hữu	459	461	462	453	456
Vốn điều lệ	400	400	400	400	400
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)